



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 25454/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: NƯỚC MẮM JIJI SIÊU ĐẶC BIỆT 50° ĐẠM
- Mã số mẫu: 05256651/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai thủy tinh, có nhãn, 200 mL/chai. Số lượng: 3.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 08/05/2025
- Thời gian thử nghiệm: 08/05/2025 - 03/06/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ GIA VỊ JI JI NINH THUẬN
Địa chỉ: Thôn Khánh Hội, Xã Tri Hải, Huyện Ninh Hải
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Acesulfam Kali	mg/L	NIFC.02.M.25 (HPLC)	KPH (LOD: 10,0)
9.2*	Hàm lượng Dinatri 5'-inosinat	mg/L	NIFC.02.M.36 (HPLC)	KPH (LOD: 3,0)
9.3*	Hàm lượng Kali sorbat	mg/L	NIFC.02.M.25 (HPLC)	KPH (LOD: 2,0)
9.4*	Hàm lượng Natri benzoat	mg/L	NIFC.02.M.25 (HPLC)	KPH (LOD: 10,0)
9.5*	Hàm lượng Ponceau 4R	mg/L	NIFC.02.M.26 (HPLC)	KPH (LOD: 0,3)
9.6*	Hàm lượng Tartrazin	mg/L	NIFC.02.M.26 (HPLC)	KPH (LOD: 0,3)
9.7	Hàm lượng Propylene Glycol	mg/kg	NIFC.04.M.310 (LC-MS/MS)	< LOQ (LOQ: 5)

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo